

Bản án số: 24/2021/HSST

Ngày: 27/5/2021

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN - TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Ngọc Trọng
2. Bà Trịnh Thị Cúc

-Th- ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên toà:
Ông Trần Văn Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/HSST ngày 05/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo :

1. Nguyễn Hữu B sinh năm 1978; trú tại: Khu phố K, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: LĐTD; con ông Nguyễn Hữu B và bà Cao Thị X; có vợ là Trần Thị G và có 01 con sinh năm 2012; tiền án: không, tiền sự: Ngày 15/01/2018 và ngày 12/7/2019 bị Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính cùng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; nhân thân: tháng 4/2002 bị Tòa án nhân dân thị xã Sầm Sơn xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội: Mối giới mại dâm ;tháng 12/2002 bị Tòa án nhân dân thị xã Sầm Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt với bản án đã cho hưởng án treo buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm tù ; tháng 8/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã Sầm Sơn xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản ; tháng 5/2010 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục- lao động và xã hội tỉnh Thanh Hóa; tháng 01/2016 bị Công an TP. Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau; bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 30/12/2020; có mặt.

2. Cao Văn T sinh năm 1987; trú tại: Khu phố K, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; văn hoá: 4/12; nghề nghiệp: LĐTD; con ông Cao Văn L và bà Đỗ Thị B; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

ngày 10/9/2012 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 30/12/2020 đến ngày 04/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Viên Đình C - sinh năm : 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 1, xã Q, thành phố S, Thanh Hóa

- Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm : 1986(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt nh- sau:

Hồi 21h00' ngày 29/12/2020, Công an TP. Sầm Sơn bắt quả tang tại quán Internet TEP GEM ở đường Đoàn Thị Điểm, KP. Sơn Hải, P. Trường Sơn, TP. Sầm Sơn, Nguyễn Hữu B đang bán 02 gói Hêrôin cho Viên Đình C với giá 400.000đ. Thu giữ trên tay trái C 02 gói nhỏ dạng giấy ô ly KT 1,5cm x 0,5 cm bên trong chứa chất bột màu trắng ngà (niêm phong kí hiệu M1); 01 điện thoại Mastel màu đen.

Thu giữ trong túi áo bên trái của B 01 hộp nhựa màu trắng KT 08cm x 02cm x 1,5cm bên trong chứa 07 túi nilon màu trắng, viên màu đỏ, KT mỗi gói 1,5cm x 1,5cm bên trong chứa hạt tinh thể màu trắng; 01 gói KT 1,5cm x 1,5cm bên trong chứa hạt tinh thể màu trắng hồng; 01 gói giấy nhỏ loại vớ ô ly kích thước 1,5cm x 0,5cm bên trong chứa chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục (niêm phong kí hiệu M2) và 500.000đ; thu giữ 01 ví da trong túi quần bên trái bên trong ví có 1.670.000đ; thu giữ tại kê ghế bên trái B ngồi 01 túi nilon màu trắng KT 1,5cm x 01cm bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 gói nhỏ loại vớ ô ly KT 1,5cm x 0,5cm bên trong chứa chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục (niêm phong kí hiệu M3); 01 điện thoại OPPO màu đỏ; 01 điện thoại ITEL màu đen.

Thu giữ của Cao Văn T ngồi ghế bên phải cạnh B đang cầm 01 hộp nhựa màu đen bên trong chứa 01 gói nhỏ loại giấy ô ly KT 1,5cm x 0,5cm bên trong chứa chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục (niêm phong kí hiệu M4), 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại Realme màu tím đen và 200.000đ.

Thu giữ trong đế giày Nguyễn Thị Y đang ngồi ghế bên trái B 01 gói giấy loại vớ ô ly KT 1,5cm x 0,5cm bên trong chứa chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục (niêm phong kí hiệu M5); thu giữ trong túi quần sau bên trái 2.970.000đ, 01 điện thoại Iphone 6s plus màu trắng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Hữu B và Cao Văn T khai nhận:

Khoảng 12h00' ngày 29/12/2020 B đi xe buýt lên khu vực cầu Đông Hải, TP. Thanh Hóa gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói Hêrôin với giá 300.000đ và 01 gói ma túy đá với giá 800.000đ. B được người bán ma túy cho thêm 01 viên hồng phiến. B phân lẻ thành 09 túi ma túy đá, lấy 01 túi ma túy đá vừa chia đóng gói nghiền nát viên hồng phiến trộn lẫn với ma túy đá thành một túi ma túy có màu trắng hồng; số Hêrôin B phân lẻ thành 06 gói. Sau đó B bỏ tất cả số ma túy vừa đóng gói cho vào chiếc hộp màu trắng và cất trong túi quần.

Đến khoảng 20h00' ngày 29/12/2020, B đi cùng với Nguyễn Thị Y đến chơi Game tại quán TẾP GAME. Tại đây Lê Anh Hải, ở KP. Sơn Thủy, P. Trường Sơn, đến gặp B hỏi xin 01 gói (tép) Hêrôin với mục đích sử dụng, B chưa đồng ý mà hẹn Hải lát quay lại. Sau đó B lấy 01 gói Hêrôin đặt lên trên bàn phím máy vi tính dặn Y khi nào Hải quay lại thì đưa gói Hêrôin này cho Hải, sau đó B đi về nhà. Y lấy cất giấu dưới giày bên trái. Một lúc sau B quay lại quán để chơi Game. Lúc này Cao Văn T đến quán và hỏi B xin 01 gói Hêrôin để sử dụng. B lấy 01 gói Hêrôin trong hộp nhựa đưa cho T, T cất giấu gói ma túy vào hộp màu đen rồi ngồi chơi điện tử.

Đến khoảng 20h35' ngày 29/12/2020, Viên Đình C đến quán gặp B, hỏi: Anh còn đồ không bán cho em hai cái (được hiểu là 02 tép Hêrôin). B đồng ý, C đưa cho B 400.000đ, gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ. B nhận tiền và lấy trong hộp ra đưa cho C 02 gói Hêrôin thì bị Công an bắt quả tang. Phần ma túy còn lại gồm: 08 gói ma túy đá, 01 gói Hêrôin đựng trong hộp nhựa B cất trong túi áo và số ma túy B cất giấu ở kẽ ghế ngồi 01 gói ma túy đá, 01 gói Hêrôin phát hiện thu giữ khi bắt quả tang

Tại bản Kết luận giám định số: 234/PC09 ngày 04/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- + Chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục của phong bì niêm phong ký hiệu M1 là ma túy, có tổng khối lượng 0,070 gam, loại Hêrôin (thu từ C);
- + Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 là ma túy, có tổng khối lượng 0,899 gam, loại Methamphetamine, (thu từ B);
- + Các hạt tinh thể màu trắng hồng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 là ma túy, có tổng khối lượng 0,395 gam, loại Methamphetamine (thu từ B);
- + Chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục của phong bì niêm phong ký hiệu M2 là ma túy, có tổng khối lượng 0,076 gam, loại Hêrôin (thu từ B);
- + Chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục trong phong bì niêm phong ký hiệu M3 là ma túy, có tổng khối lượng 0,062 gam, loại Hêrôin (thu từ B);
- + Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M3 là ma túy, có tổng khối lượng 0,146 gam, loại Methamphetamine (thu từ B);

+ Chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục của phong bì niêm phong ký hiệu M4 là ma túy, có tổng khối lượng 0,103 gam, loại Hêrôin (thu từ T);

+ Chất bột màu trắng ngà dạng vụn cục trong phong bì niêm phong ký hiệu M5 là ma túy, có tổng khối lượng 0,055 gam, loại Hêrôin (thu từ Y).

Tại bản cáo trạng số 21/Ctr-VKS.SS ngày 15/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Sầm Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; Bị cáo Cao Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố nh- cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Hữu B), xử phạt bị cáo mức hình phạt tù từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 48 tháng đến 60 tháng tù. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo Cao Văn T, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp nhựa màu trắng, 01 hộp nhựa màu đen và 08 mảnh giấy; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 400.000đ; trả cho bị cáo B 02 điện thoại và số tiền 1.770.000đ; trả cho bị cáo T 02 điện thoại và 200.000đ; trả cho Viên Đình C 01 điện thoại; trả cho Nguyễn Thị Y 01 điện thoại và 2.970.000đ. Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, lời sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố trong vụ án này đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận với mục đích mua ma túy để sử dụng và bán kiếm lời, ngày 29/12/2020 Nguyễn Hữu B đã mua 1,440g Methamphetamine và 0,366g Hêrôin chia thành 09 gói Methamphetamine và 06 gói Hêrôin. Đến 20h cùng ngày B đến quán Internet TEP GEM ở đường Đoàn Thị Điểm, KP. Sơn Hải, P. Trường Sơn, TP. Sầm Sơn cho Cao Văn T 01 gói Hêrôin có trọng lượng 0,103g; đưa cho Nguyễn Thị Y 01 gói Hêrôin trọng lượng 0,055g; bán cho

Viên Đình C 02 gói Hêrôin có trọng lượng 0,07g với giá 400.000đ, thì bị Công an bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; tang vật chứng thu được; kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác phản án tại hồ sơ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hữu B đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; Bị cáo Cao Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS nh- đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật. Các bị cáo B và T là đồng phạm về tội “Tàng trữ trái phép ma túy” nhưng dưới dạng đồng phạm giản đơn và có vai trò ngang nhau.

[3] *Về tính chất hành vi, T tiết tởng nặng, giảm nhẹ*: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà n-ớc về chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm suy thoái kinh tế và ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của con người; làm ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống lành mạnh của gia đình mỗi bị cáo nói riêng và của xã hội nói chung. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần đ- ợc xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Căn cứ tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cần áp dụng Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt cần xem xét: Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo; các bị cáo phạm tội với lượng ma túy ít nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho cả hai bị cáo, tuy nhiên cũng cần xử trên mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Đối với bị cáo B phạm cùng lúc hai tội nên cần áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt.

[4] *Vật chứng*: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 BLTTHS xử lý vật chứng như sau: Số ma túy có khối lượng tổng cộng 1,323g Methamphetamin và 0,322g Heroin (tang vật còn lại sau giám định), 01 hộp nhựa màu trắng; 01 hộp nhựa màu đen và 08 mảnh giấy là vật cấm lưu hành và là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy; Số tiền 400.000đ bị cáo B bán ma túy cho T là tiền do phạm tội có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước; số tiền còn lại thu từ các bị cáo tổng cộng 4.940.000đ và 06 điện thoại là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Viên Đình C và Nguyễn Thị Y.

[5] *Án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo B).

Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo T)

Điểm a, b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106; Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu B phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Cao Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu B 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 48 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2020.

Bị cáo Cao Văn T 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, giam từ ngày 30/12/2020 đến ngày 04/02/2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 1,323g Methamphetamin và 0,322g Hêrôin ; 01 hộp nhựa màu trắng; 01 hộp nhựa màu đen và 08 mảnh giấy; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000đ;

Trả cho bị cáo Nguyễn Hữu B 01 điện thoại hiệu Oppo, 01 điện thoại hiệu ITEL và số tiền 1.770.000đ; Trả cho bị cáo Cao Văn T 01 điện thoại hiệu Nokia, 01 điện thoại hiệu Realme và số tiền 200.000đ. Trả cho Viên Đình C 01 điện thoại hiệu Mastel. Trả cho Nguyễn Thị Y 01 điện thoại nhãn hiệu Iphon6s plus và số tiền 2.970.000đ;

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng số 22/BBVC-CCTHA ngày 14/4/2021; biên lai thu tiền số AA/2015/0001718 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Sầm Sơn.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ông chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; ng có QLNVLQ;
- VKSND TPSS;
- Công an TPSS;
- Chi cục THADS TPSS;
- L- u hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Hà